TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-PT
Ngày 16-02-2022
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Ngô Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2021/QĐXXPT-DS ngày 26/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 15/12/2021, ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 4E/73, khu phố B4, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 12, thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đình T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 1398, Phạm Văn Đ, phường L, thành phố T3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đoàn Trí P– Văn phòng LN thuộc Đoàn L Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 1398, Phạm Văn Đ1, phường L1, thành phố T4, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Thành T5, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 4E/73, khu phố B4, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Lưu Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 4E/73, khu phố B4, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 12, thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Tổng Công ty Bảo hiểm B; địa chỉ: Số 104, phố Trần Hưng Đ, phường C, quận H1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 50, Đại lộ B1, phường B2, thành phố T6, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021); có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B3; địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà 4A, quận B4, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Mạnh T6, chức vụ: Phó phòng kế toán bồi thường P; địa chỉ: Số 63, đường D9, KDC C, khu 11, phường C, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/3/2021); có đơn yêu cầu vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 01/10/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/5/2020, ông T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 61A-K, nhãn hiệu Toyota lưu thông theo hướng B3 đi Đà Lạt. Khi đến km 171 + 200 QL20 thuộc thôn P1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, xe ô tô tải biển kiểm soát 48C-U do ông Nguyễn Ngọc S điều khiển bất ngờ vượt lên không đảm bảo an toàn dẫn đến việc gây ra tai nạn đối với xe ô tô do ông T1 điều khiển. Hậu quả xe ô tô của ông T1 bị hư hỏng nặng nửa phần xe bên trái. Vụ tai nạn đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết. Theo kết quả điều tra, nguyên nhân dẫn đến tai nạn là do ông S điều khiển xe ô tô vượt không đảm bảo an toàn.

Ngày 15/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D ban hành 02 thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự và thông báo kết quả giải quyết nguồn tin tội phạm, lý do không khởi tố: Hành vi không cấu thành tội phạm.

Theo bảng báo giá sửa chữa của Công ty TNHH Toyota B4 – Chi nhánh Bình Dương thì tổng chi phí sửa chữa xe ô tô 61A-K là 56.828.530 đồng. Ngoài ra sau tai nạn, xe ô tô còn bị đưa về trụ sở phục vụ công tác điều tra hơn 04 tháng, không thể sử dụng xe vào mục đích kinh doanh, đồng thời giá trị xe sau tai nạn bị giảm sút rất nhiều. Do đó, ông T1 khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Ngọc S bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 tổng số tiền 226.828.530 (hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn năm trăm ba mươi) đồng, cụ thể: Tiền sửa chữa thân xe và sơn xe: 56.828.530 đồng; thiệt hại khai thác, sử dụng tài sản bị

mất đi sau tại nạn (04 tháng xe không thể cho thuê và phục vụ công tác điều tra): 100.000.000 đồng; giá trị giảm sút của xe sau khi tai nạn: 50.000.000 đồng; chi phí đi lại (thuê xe khác đi), sinh hoạt sau khi tai nạn xảy ra: 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với chi phí đi lại (thuê xe khác đi), sinh hoạt sau khi tai nạn xảy ra: 20.000.000 đồng.

- Theo Bản tự khai ngày 11/01/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc S và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/5/2020, ông Nguyễn Ngọc S điều khiển xe ô tô mang biển kiểm soát 48C-U lưu thông trên đường Quốc lộ E, đoạn qua thôn P1, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng trong điều kiện thời tiết mưa to, gió lớn, đường trơn trượt thì bất ngờ xảy ra va chạm với xe ô tô biển số 61A-K của ông Nguyễn Văn T1. Sau khi xảy ra tai nạn, ông S đã xuống xe nói chuyện với ông T1 nhưng ông T1 có thái độ không hợp tác, có lời lẽ hăm dọa, chửi bới ông S. Do thấy hai bên to tiếng với nhau dễ dẫn đến xô xát nên người dân xung quanh đã báo cho Công an huyện D đến giải quyết.

Ngày 01/7/2020, Công an huyện D đã có kết quả định giá tài sản về giá trị hư hỏng đối với xe ô tô của ông T1 là 43.438.675 đồng. Ngày 15/9/2020, Công an có quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Nay ông T1 khởi kiện thì ý kiến của ông S như sau: Ông S không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp xe ô tô của ông T1 bị hư hỏng thì sẽ có bảo hiểm ô tô chi trả thiệt hại. Ông T1 tự ý sửa chữa xe mà không thông báo cho ông S biết thì không có cơ sở đòi bồi thường. Ngoài ra vụ tai nạn xảy ra trong điều kiện thời tiết xấu ảnh hưởng đến việc điều khiển phương tiện, trong khi ông S điều khiển xe ô tô với tốc độ cho phép, ông S không có lỗi.

- Tại Bản tự khai ngày 17/9/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị H trình bày:

Bà Hạnh là vợ của ông Nguyễn Văn T1 và là mẹ ruột của Lê Thành T5. Bà Hạnh và ông T1 có mua xe ô tô biển số 61A-K cho Lê Thành T5 đứng tên mục đích để cho thuê. Xe được mua tại Công ty T7 chi nhánh Bình Dương, giá mua là 1.370.000.000 (một tỷ ba trăm bảy mươi triệu) đồng, bao gồm 1.112.000.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng và 01 số thuế, phí khác. Thời điểm mua, xe đã được trả trước 50%, còn 50% thì Công ty Tài chính T8 hỗ trợ cho vay, thế chấp bằng chính xe ô tô này tại Công ty Tài chính T8. Ngày 30/5/2020 cả gia đình chị đi lên Đà Lạt, ông T1 là người trực tiếp lái chiếc xe nói trên. Thời điểm xảy ra tai nạn là khoảng 13 giờ 45 phút, lúc này ông S lái xe vượt ẩu trên đường đang lên dốc từ phía sau dẫn tới tai nạn. Mặc dù không có tổn thất về người nhưng về xe ô tô có nhiều tổn thất. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1, buộc ông S phải bồi thường thiệt hại cho ông T1. Ngày

18/5/2021 khoản vay và thế chấp tại Công ty Tài chính T8 Việt Nam đã được thanh lý, giải chấp hoàn toàn.

- Tại Bản tự khai ngày 14/9/2020 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thành T5 trình bày:

Ông Lê Thành T5 là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xô tô tô biển số 61A-K, xe do ba mẹ anh mua. Ông đồng ý ba mẹ có quyền sử dụng và ký kết hợp đồng cho thuê xe với Công ty Bất động sản T9. Do công việc nên ba ông (ông Nguyễn Văn T1) điều khiển xe ô tô chở gia đình lên Đà Lạt và gặp tai nạn ở D, Lâm Đồng. Theo biên bản khám nghiệm hiện trường thì nguyên đơn đúng hoàn toàn. Ba mẹ ông là người sửa chữa xe ô tô nói trên sau khi tai nạn. Ngày 18/5/2021 ông đã làm thủ tục trả hết nợ và giải chấp đối với xe ô tô trên tại Công ty Tài chính T8 Việt Nam. Do đó, ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản tự khai ngày 11/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị L trình bày:

Bà Liên thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Nguyễn Ngọc S. Toàn bộ diễn biến vụ việc xảy ra va chạm tại huyện D chị là người chứng kiến và lời khai của ông S là hoàn toàn đúng sự thật. Đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Bản tự khai ngày 10/3/2021 và Biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2021, ông Phạm Mạnh T6 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B3 trình bày:

Ngày 14/5/2020, Công ty Cổ phần B3 Bình Dương (trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B3, gọi tắt là P) có cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số 03.16.61.11.000296.20 và BB 200215801 cho xe ô tô có số khung 8L0585816 và số máy A742621 chủ xe Lê Thành T5; hiệu lực từ 15/5/2020 đến 15/5/2021; mức bảo hiểm người ngồi trên xe 10.000.000 đồng/người/vụ, số chỗ ngồi 07 chỗ, mức trách nhiệm đối với người thứ ba: Về người 100.000.000 đồng/người/vụ, về tài sản 100.000.000 đồng/vụ. Mức bảo hiểm cho VCX: 1.112.000.000 đồng. Công ty mới nhận được văn bản thông báo về vụ tai nạn ngày 30/5/2020 của lái xe Nguyễn Văn T1, ngoài ra ông T1 chưa cung cấp cho Công ty hồ sơ yêu cầu bảo hiểm bản gốc, các chứng từ, tài liệu kèm theo quy định tại Điều 9 của Quy tắc 370/2018/QĐ-P để P xem xét phạm vi bảo hiểm nên P chưa xác định được vụ tai nạn nêu trên có thuộc phạm vi bảo hiểm của P hay không. P Bình Dương sẽ xem xét phạm vi bảo hiểm sau khi ông Nguyễn Văn T1 cung cấp đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường cho P Bình Dương theo đúng quy định của pháp luật. Đối với Phiếu thu số 1966, ngày 31/10/2020 và Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/10/2020 của Công ty TNHH Toyota B4 – Chi nhánh Bình Dương thì số tiền trong phiếu thu và hóa đơn này không phải do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B3, Công ty Bảo hiểm B Bình Dương chi trả. Phiếu thu và hóa đơn này có thể do khách hàng tự chi trả và yêu cầu cơ quan phát hành ghi

tên người nộp tiền là Công ty Bảo hiểm B Bình Dương để làm căn cứ lập hồ sơ yêu cầu bảo hiểm sau này nếu cần thiết.

- Tại Bản ý kiến ngày 21/5/2021 và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng Công ty Bảo hiểm B trình bày:

Công ty Bảo Việt Đ là công ty thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Bảo hiểm B. Ông Nguyễn Ngọc S (chủ xe ô tô biển kiểm soát 48C-U) tham gia bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô và bảo hiểm tai nạn lái xe, người trên xe tại Công ty Bảo Việt Đ theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 004089690 ngày 16/3/2020. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/3/2021. Trong đó:

+ Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô có mức trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3: Về người: 100.000.000 đồng/1 người/ 1 vụ tai nạn; về tài sản: 100.000.000 đồng/1 vụ tai nạn; Mức trách nhiệm dân sự đối với hành khách: Về người: 100.000.000 đồng/1 người/ 1 vụ tai nạn.

+ Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe: Số người: 03, số tiền bảo hiểm: 30.000.000 đồng/người/vụ.

Khoảng 15 giờ 31 phút ngày 30/5/2021, Bảo hiểm B có tiếp nhận thông tin vụ tai nạn giữa xe ô tô biển kiểm soát 48C-U và 61A-K tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi tiếp nhận thông tin, Bảo hiểm B đã cử cán bộ đến hiện trường, hướng dẫn chủ xe khai báo tai nạn bằng văn bản và yêu cầu chủ xe thông báo cho Bảo hiểm B thời điểm cơ quan công an trả hai xe để giám định chi tiết thiệt hại của xe ô tô 61A-K. Đến ngày 28/5/2021 Bảo hiểm B nhận được yêu cầu bồi thường bằng văn bản của ông Nguyễn Ngọc S. Căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm; khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 9, khoản 4 Điều 12, khoản 1 Điều 11, điểm a khoản 3 Điều 13, điểm b khoản 6 Điều 17 Thông tư số 22/2016/TT-BTC, xét thấy Bảo hiểm B chưa phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Về cơ sở xem xét, giải quyết bồi thường: Ông Nguyễn Ngọc S không thực hiện yêu cầu của Bảo hiểm B về việc thông báo cho Bảo Việt biết thời điểm cơ quan Công an trả xe ô tô biển kiểm soát số 61A-K để Bảo hiểm B giám định chi tiết thiệt hại; tự ý đưa xe ô tô biển kiểm soát 61A-765.28 sửa chữa khi chưa có ý kiến chấp thuận của Bảo hiểm B. Do vậy, Bảo hiểm B chưa có cơ sở để xác định mức độ lỗi của ông Nguyễn Văn T1 là chủ xe ô tô biển kiểm soát 61A-K. Trường hợp Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc S bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Văn T1 thì Công ty Bảo hiểm B sẽ xem xét yêu cầu bồi thường của chủ xe Nguyễn Ngọc S theo mức thiệt hại thực tế xảy ra, điều khoản bảo hiểm, hồ sơ mà khách hàng cung cấp và các quy định pháp luật có liên quan.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 36/2021/DS-ST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 40, các điều 68, 147, 228, 244, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 357, 584, 585, 586, 589, 601 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc buộc ông Nguyễn Ngọc S bồi thường chi phí đi lại, sinh hoạt sau khi tai nạn xảy ra là 20.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với bị đơn ông Nguyễn Ngọc S.

Buộc ông Nguyễn Ngọc S bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 tổng số tiền là 154.189.300 (một trăm năm mươi tư triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm) đồng, bao gồm: Chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 61A-K là 54.189.300 (năm mươi tư triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm) đồng và lợi ích gắn liền với việc khai thác, sử dụng tài sản bị mất (tiền cho thuê xe) là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu bồi thường số tiền 52.639.230 (năm mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng, bao gồm: Chi phí sửa chữa xe là 2.639.230 (hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng và giá trị giảm sút của xe sau tai nạn là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2021, ông Nguyễn Ngọc S kháng cáo không đồng ý bồi thường cho ông T1 100.000.000 đồng tiền thiệt hại khai thác tài sản cho thuê xe, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn, ngày 14/9/2021, ông Nguyễn Ngọc S làm đơn sửa đổi đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện giảm 50.000.000 đồng chi phí khai thác, sử dụng tài sản bị mất (tiền cho

thuê xe), ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện nhận trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 50.000.000 đồng chi phí khai thác, sử dụng tài sản bị mất (tiền cho thuê xe) và chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 61A-K là 54.189.300 đồng, tổng cộng: 104.189.300 đồng cho ông Nguyễn Văn T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của ông Nguyễn Ngọc S – Luật sư Đoàn Trí P phát biểu quan điểm: Do các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về hình thức đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S làm trong hạn luật định, hợp lệ. Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Do các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S làm trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bản án dân sự số 36/2021/DS-ST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D đã quyết định:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc buộc ông Nguyễn Ngọc S bồi thường chi phí đi lại, sinh hoạt sau khi tai nạn xảy ra là 20.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu bồi thường số tiền 52.639.230 (năm mươi hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng, bao gồm: chi phí sửa chữa xe là 2.639.230 (hai triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi) đồng và giá trị giảm sút của xe sau tai nạn là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Phần quyết định này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 chấp nhận giảm 50.000.000 đồng chi phí khai thác cho thuê xe đối với bị đơn

ông Nguyễn Ngọc S. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện nhận trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 50.000.000 đồng chi phí khai thác, sử dụng tài sản bị mất (tiền cho thuê xe) và chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 61A-K là 54.189.300 đồng, tổng cộng: 104.189.300 đồng cho ông Nguyễn Văn T1. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự và sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu trên số tiền phải trả cho ông Nguyễn Văn T1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục T9 thành phố D.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc S, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2021/DS-ST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D như sau:

1.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 với bị đơn ông Nguyễn Ngọc S về việc "tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng", cụ thể:

Ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 tổng số tiền là 104.189.300 (một trăm lẻ bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm) đồng, bao gồm: Chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 61A-K là 54.189.300 (năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm đồng) và lợi ích gắn liền với việc khai thác, sử dụng tài sản bị mất (tiền cho thuê xe) là 50.000.000 (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 5.670.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0048651 ngày 08/10/2020 của Chi cục T9 thành phố D.

Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 5.209.465 đồng (năm triệu hai trăm lẻ chín nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003002 ngày 06/10/2021 của Chi cục T9 thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa D1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Văn Tâm